



Phần do ngân hàng ghi Bank uses 银行打印	
--	--

Ngày chuyển tiền/ Remittance Date/ 汇款日期:

Phương thức chuyển tiền Type/ 业务类型	☐ Nhận tiền theo tỷ giá đã thỏa thuận/ Pre-Exchange overseas remittance/ 预结汇 Hạn mức giao dịch nhận tiền theo tỷ giá thỏa thuận tương đương dưới 50,000USD/ năm/ 1 người hưởng The pre-settlement remittance received by the beneficiary must be within the annual settlement limit of equivalent USD50,000 收款人收到的预结汇汇款必须在年度结汇限额即等值5万美元内 ☐ Chuyển thường/ Normal remittance/ 一般汇款 ☐ Khác/ other/ 其他:					
Thông tin người chuyển khoản Applicant information 汇款人信息	Số tài khoản chuyển tiền/Debit A/c No./支付账号:					
	Tên tài khoản/ Name/ 汇款人名称:		Tel no./ 汇款人电话:			
	Quốc gia/汇款人国别 Remitter's Country	Tỉnh/Thành phố 汇款人省/市 Remitter's Prov./City	Phường/Xã 汇款人坊/乡 Remitter's Commune/Ward			
	Địa chỉ chi tiết/ 汇款人详细地址/ Remitter's Detailed ADD. (说明: 不包含收款人坊乡、省市、国别信息)					
Loại và số tiền chuyển Currency & Amount 汇款币种和金额	Loại tiền trích nợ 扣账币种 / Debit Currency		Loại tiền chuyển khoản 汇款币种 / Remittance Currency			
	Bằng số /扣账金额小写 / In figures					
	Bằng chữ/ In words/ 扣账金额大写:					
Ngân hàng trung gian Intermediary Bank/中间行信息	Swift code/ 中间行代码:					
Ngân hàng hưởng Beneficiary Bank 收款行信息	Swift code/ 收款行代码:					
	Tên/ Name/ 收款行名称:					
	Quốc gia / 收款行国别 Bene.'s Bank Country	Tỉnh/Thành phố /收款行省 Bene.'s Bank Prov	Thành phố/收款行城市 Bene.'s Bank City			
	Địa chỉ chi tiết /收款行详细地址 / Bene's Bank Detailed ADD. (说明: 不包含收款行城市, 省, 国别信息)					
Thông tin người thụ hưởng Beneficiary information 收款人信息	Số tài khoản/ Account No./ 收款人账号:					
	Tên tài khoản/ Name/ 收款人名称:					
	Quốc gia / 收款人国别 Bene.'s Country	Tỉnh/收款人省 Bene.'s Prov	Thành phố/收款人城市 Bene.'s City	Đường (Phố) /收款人街道 Bene.'s Street		
	Địa chỉ chi tiết /收款人详细地址 / Bene.'s Detailed ADD. (说明: 不包含收款人街道、城市、省、国别信息)					
	Số CCCD/ ID No./ 收款人身份证:		Tel No./ 收款人电话:			
Nội dung chuyển khoản payment details/ 汇款用途	☐ Chuyển tiền khách hàng cá nhân 个人客户汇款 / Individual		☐ Thanh toán hàng hóa 货物贸易 / Goods Trade		☐ Thanh toán dịch vụ 服务贸易 / Service Trade	
	☐ Khoản vay nước ngoài 境外贷款 / Overseas Loan (Foreign Loan)		☐ Thanh toán thuộc giao dịch vốn 资本项下支付 / Capital Transfer		☐ Khác /其他 / Others	
	Nội dung chi tiết /附言/ Message					

Tôi/Chúng tôi đồng ý với các quy định về chuyển tiền của NH ICBC- CN Hà Nội, cách thanh toán như sau:
I/We agree with remittance regulations issued by ICBC Hanoi Branch, and instruct as below:

本人/本单位同意银行汇款规则, 有关下述汇款支付办法:

Phí chuyển khoản/ Remittance fee/ 汇款手续费

☐ Người CK chịu phí tại ICBC CN Hà Nội
SHA/ /汇款人付河内分行手续费

☐ Người thụ hưởng chịu
BEN/收款人

☐ Nhận đúng số tiền chuyển
Full no deduct/全额到账

Từ tài khoản số/ From A/C No./ 从账户扣除:

Ghi chú: Khi ký Giấy đề nghị chuyển tiền này Khách hàng phải đồng thời biết và đồng ý với nội dung chủ thích ở phía sau Giấy đề nghị chuyển tiền./Note: By signing this Remittance Application, the Applicant acknowledges that the Applicant has read, understood and agreed to the Notes on the reverse side of this Remittance Application.
提示: 签署本汇款申请时请同时阅知和同意汇款申请背面“声明”。

Người đề nghị ký
Applicant's signature(s) and/or stamp
申请人签名

声明/GHI CHÚ

- 1 Khách hàng xác nhận rằng khách hàng đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và chịu sự ràng buộc của nội dung "Điều khoản và điều kiện chung về giao dịch mua bán ngoại tệ giao ngay", "Điều khoản và điều kiện chung về sử dụng tài khoản" được quy định trên website chính thức của Ngân hàng <http://hanoi.icbc.com.cn/> và các bản sửa đổi, bổ sung điều khoản điều kiện này tùy từng thời điểm. 客户确认已阅读、了解、同意及受本行官方网站<http://hanoi.icbc.com.cn/>公布的《关于即期外汇买卖交易的共同条款和条件》；《关于账户使用的共同条款和条件》和该条款条件修改、补充版本的约束。Customer acknowledge that customer have read, understood, agreed with and to be bound by the "General Terms and Conditions on Spot Foreign Exchange Transaction"; the "General Terms and Conditions on Using Accounts" as well as any additional or amended terms and conditions published on the Bank's official website <http://hanoi.icbc.com.cn/> from time to time.
- 2 Khách hàng cam kết tính chân thực, tính hợp pháp cũng như tính duy nhất của khoản thanh toán này, đảm bảo không thanh toán trùng lặp ở ICBC – CN Hà Nội cũng như các tổ chức tín dụng khác. Đồng thời Khách hàng cam kết chậm nhất trước ngày.....tháng.....năm.....bổ sung các chứng từ liên quan sau (nếu cần) 客户承诺本次付款的真实性、合法性及唯一性，并保证不重复支付于我行和其他金融机构。同时客户承诺最迟于。。。年。。。月。。。日前补充以下资料（若需要）Customer certifies the authenticity, legality and uniqueness of this payment and undertake that it will not be paid repeatedly at our bank and other financial institutions. At the same time , Customer commits to replenish the following documents (if needed) by.....

 - ☐ Tờ khai hải quan/海关单/ Customs Declaration
 - ☐ Hóa đơn/发票/Invoice
 - ☐ Vận đơn, phiếu đóng gói/提单, 装运单/Bill of lading, packing list
 - ☐ Khác/其他/Other.....
- 3 Ngân hàng ICBC- CN Hà Nội sẽ thanh toán lại cho Khách hàng số tiền thực tế mà ICBC- CN Hà Nội nhận được từ ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giao dịch chuyển tiền không thực hiện được hoặc hủy theo yêu cầu của Khách hàng. /如汇款交易因无法执行或根据客户要求予以撤销，河内分行将按照实际从境外银行收到的退款金额退还给客户。/ If a remittance transaction cannot be executed or is cancelled at the Customer's request, ICBC Hanoi Branch shall refund to the Customer the actual amount received by ICBC Hanoi Branch from the overseas bank.
- 4 ICBC- CN Hà Nội có thể sử dụng các hệ thống chuyển tiền, lựa chọn ngân hàng đại lý và phương pháp thanh toán thích hợp để thực hiện chuyển tiền tới ngân hàng người hưởng./ 河内分行有权根据实际情况选择汇款系统、代理银行及适当的付款方式，以完成向收款银行的汇款。/ ICBC Hanoi Branch may use different remittance systems and select the correspondent bank and payment method it deems appropriate to execute the remittance to the beneficiary's bank.
- 5 ICBC- CN Hà Nội sẽ không chịu trách nhiệm đối với những rủi ro, mất mát xảy ra do những sự cố nằm ngoài sự kiểm soát của ICBC- CN Hà Nội, hoặc những thiệt hại không trực tiếp hoặc mang tính chất hậu quả./ 对于因超出河内分行合理控制范围的事件所导致的任何风险或损失，以及任何间接损失或后果性损失，河内工银不承担责任。/ ICBC Hanoi Branch shall not be liable for any risks or losses arising from events beyond its reasonable control, or for any indirect or consequential losses or damages.